

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC SỐ CHO GIÁO VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CÔNG LẬP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Hào

Trường THCS Quang Trung, phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Mai Hoàng Sang

Trường Đại học Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Email: haopham986@gmail.com.

Tóm tắt: Bài viết đưa ra những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên. Vì chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định sự phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết để giáo dục phát triển, đất nước giàu mạnh trong kỷ nguyên mới. Vấn đề này đem đến cho nhà quản lý nhiệm vụ quan trọng: quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên. Nghiên cứu này nhằm khái quát và nhấn mạnh việc quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên trung học cơ sở là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục trong thời đại số; tổng quan các khái niệm và nội dung về năng lực số như kiến thức số, kĩ năng số, giao tiếp số và an toàn số - bốn thành tố ảnh hưởng đến năng lực số của giáo viên tại các trường trung học cơ sở công lập. Kết quả cho thấy, phần lớn cán bộ quản lý, giáo viên đã nhận thức tương đối đầy đủ, đúng đắn về vai trò của quản lý trong hoạt động bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên trung học cơ sở để nắm bắt các thách thức và xu hướng hiện đại, đồng thời khai thác tiềm năng của công nghệ để tạo ra một môi trường học tập số cho tương lai.

Từ khóa: Bồi dưỡng, năng lực số, giáo viên, trung học cơ sở.

Nhận bài: 08/01/2026; Biên tập: 09/01/2026; Phản biện: 10/01/2026; Duyệt đăng: 15/01/2026.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục 4.0 hiện nay, quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực số (NLS) cho giáo viên luôn là chủ đề được quan tâm nghiên cứu trong nhiều năm qua vì hoạt động này không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là yếu tố chiến lược, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về giáo dục số hóa, đảm bảo giáo viên trở thành người dẫn dắt cho thế hệ học sinh. Để có cơ sở thực tiễn xây dựng biện pháp, tác giả đã tìm hiểu thực trạng những biểu hiện về nội dung bồi dưỡng NLS cho giáo viên trung học ở các trường trung học cơ sở công lập ở Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Kết quả khảo sát cũng đã nhận ra một số hạn chế của cán bộ quản lý và giáo viên trong quá trình quản lý, thực hiện hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên. Hiện nay, muốn đáp ứng được chương trình chuyển đổi số, giáo viên phải thay đổi phương pháp dạy học số đồng bộ với phương pháp kiểm tra, đánh giá số... Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên trung học cơ sở đáp ứng Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

- NLS: David Buckingham, một nhà nghiên cứu về truyền thông và giáo dục cho rằng: NLS không chỉ đơn thuần là kĩ năng công nghệ, mà còn liên quan đến khả năng hiểu và đánh giá thông tin, phân biệt sự thật và thông tin sai lệch, cũng như khả năng tham gia và tương tác xã hội thông qua công nghệ số. PGS. TS Đỗ Văn Dũng, chuyên gia về công nghệ

thông tin và truyền thông, định nghĩa: NLS là “khả năng tư duy và làm việc thông qua công nghệ số, từ việc sử dụng công nghệ cơ bản đến sử dụng công nghệ cao cấp hơn như trí tuệ nhân tạo và khai phá dữ liệu”. Như vậy, có thể hiểu NLS là khả năng sử dụng, hiểu và tương tác với công nghệ số một cách hiệu quả. Nó bao gồm các kĩ năng, kiến thức và thái độ cần thiết để tận dụng và tham gia vào môi trường số phát triển nhanh chóng của thế giới hiện đại.

- Hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên là các cách thức, phương thức và điều kiện hỗ trợ để giúp người giáo viên trang bị thêm kiến thức, kỹ năng để ứng dụng công nghệ vào thực tiễn thông qua cách thực hiện, thái độ, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề nhằm đổi mới sáng tạo trong cách thức giảng dạy và quản lý học sinh nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh.

- Quản lý hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên ở trường trung học cơ sở là những tác động của chủ thể quản lý trong việc trang bị thêm kiến thức, kỹ năng để ứng dụng công nghệ vào thực tiễn thông qua lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra để nâng cao chất lượng giảng dạy và thúc đẩy sự phát triển của học sinh trung học cơ sở trong môi trường học tập hiện đại, hướng tới mục tiêu thực hiện chuyển đổi số trong trường trung học cơ sở nhằm đạt mục tiêu giáo dục chung của nhà trường.

2.1.2. Sự cần thiết phải quản lý hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên

Hiện nay, NLS của giáo viên không chỉ dừng ở mức bồi dưỡng để đáp ứng mà cần phải bồi dưỡng để phát triển. Sự cần thiết phải quản lý hoạt động bồi

dưỡng NLS cho giáo viên trung học cơ sở được thể hiện bởi các lý do:

Quản lý hiệu quả giúp giáo viên tích hợp công cụ số như nền tảng dạy học trực tuyến, phần mềm mô phỏng, AI... hỗ trợ vào các bài giảng càng làm tăng tính tương tác đồng thời thúc đẩy cá nhân chủ động học tập góp phần nâng cao kết quả học tập của học sinh.

Ngoài ra, quản lý hoạt động bồi dưỡng NLS đáp ứng được nhu cầu đổi mới giáo dục vì bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 yêu cầu giáo viên cần có NLS để thiết kế bài giảng số, quản lý lớp học trực tuyến và đánh giá dựa trên dữ liệu nhằm tránh tình trạng lạc hậu về công nghệ.

Bên cạnh đó, quản lý hoạt động bồi dưỡng NLS còn tạo ra các cộng đồng học tập chuyên môn cùng nhau chia sẻ tài nguyên số, hỗ trợ, trao đổi lẫn nhau, đồng thời xây dựng được vấn đề an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu học sinh theo quy định.

Hoạt động quản lý đảm bảo còn thúc đẩy phát triển chuyên môn cho thầy cô một cách liên tục khi thông qua đánh giá định kỳ và phản hồi người quản lý giúp đỡ, đồng viên, khuyến khích để giáo viên duy trì động lực học tập suốt đời, giảm thiểu số lượng thầy cô gặp khó khăn số.

Vì vậy, bài báo tập trung nghiên cứu quản lý hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên ở các trường trung học cơ sở phường Gò Vấp và Hạnh Thông, TP.HCM với mong muốn làm rõ hơn vấn đề này để có cơ sở đề xuất biện pháp góp phần nâng cao công tác quản lý hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên trên địa bàn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi

Sau đó tác giả sử dụng công cụ thống kê, phân tích Excel để xử lý dữ liệu thu thập được. Cụ thể:

Công cụ thống kê mô tả: Thống kê và mô tả các thông tin thu thập được từ cán bộ quản lý và giáo viên qua phiếu khảo sát và dữ liệu có sẵn trong thực tế để làm rõ thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên ở các trường trung học cơ sở công lập phường Gò Vấp và Hạnh Thông, TP.HCM... Cụ thể với dữ liệu thu thập được từ phiếu khảo sát, tác giả sử dụng phần mềm Excel nhập liệu từng đối tượng khảo sát và làm sạch dữ liệu, thống kê và phân tích dữ liệu.

Công cụ thống kê suy luận: Kết hợp thông tin thu thập từ đối tượng khảo sát qua phiếu khảo sát và thông tin, dữ liệu có liên quan từ các nguồn tài liệu khác nhau để làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu.

2.2.2. Phương pháp phỏng vấn

Phương pháp này được tiến hành để làm rõ hơn thông tin thu được từ phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi.

2.3. Kết quả nghiên cứu thực trạng nội dung bồi dưỡng NLS cho giáo viên trung học cơ sở phường Gò Vấp và Hạnh Thông, TP.HCM.

2.3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu về thực trạng này ở 4 trường trung học cơ sở công lập, tác giả có cuộc khảo sát 10 cán bộ quản lý và 238 giáo viên tại các trường trung học cơ sở thuộc 02 phường Gò Vấp và Hạnh Thông, TP.HCM. Cuộc khảo sát được thực hiện trong tháng 9/2025.

2.3.2. Kết quả

Bảng 1. Kết quả khảo sát thực trạng thực hiện các nội dung hoạt động bồi dưỡng kiến thức số cho giáo viên

TT	Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động bồi dưỡng kiến thức số	Mức độ đạt được					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Năng lực sử dụng máy tính và các ứng dụng đa phương tiện để tạo lập kế hoạch bài giảng có tính tương tác, thẩm mỹ, hiệu quả	4,05	0,92	5	3,21	0,51	3
2	Khai thác dữ liệu, tìm kiếm và sử dụng các thông tin số luôn an toàn và hiệu quả	4,16	0,80	2	2,14	0,47	5
3	Biết chọn lọc các phần mềm và ứng dụng phù hợp cho công tác giảng dạy	4,26	0,89	1	3,85	0,35	2
4	Tạo và chọn lọc nội dung các bài giảng số phù hợp để xây dựng kho học liệu số cho ngành	4,11	0,76	3	3,09	0,37	4
5	Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc thiết kế bài giảng số	4,08	0,94	4	3,90	0,26	1
	ĐTB	4,13	0,86		3,23	0,39	

Bảng 2. Kết quả khảo sát về thực trạng thực hiện nội dung hoạt động bồi dưỡng giao tiếp số cho giáo viên

TT	Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động bồi dưỡng giao tiếp số	Mức độ đạt được					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Tương tác cùng đồng nghiệp và học sinh trên nền tảng công nghệ số	4,19	0,89	2	3,64	0,57	4
2	Sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trên nền tảng số văn minh, lịch sự	4,16	0,87	3	3,76	0,57	1
3	Phát triển văn hoá giao tiếp số trong nhà trường	4,19	0,87	2	3,69	0,64	2
4	Phát triển văn hoá giao tiếp số trong hoạt động dạy học	4,29	0,76	1	3,66	0,61	3
	Điểm trung bình chung	4,20	0,84		3,68	0,59	

Bảng 3. Kết quả khảo sát thực trạng thực hiện các nội dung hoạt động bồi dưỡng kỹ năng số cho giáo viên

TT	Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động bồi dưỡng kỹ năng số	Mức độ đạt được					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Sử dụng dữ liệu thu được từ môi trường số an toàn và phù hợp chuẩn mực xã hội	4,25	0,75	1	4,09	0,37	1
2	Khả năng tiếp cận thông tin trong môi trường số để hỗ trợ công tác giảng dạy	4,02	0,76	6	4,08	0,37	2

3	Tổ chức, lưu trữ, quản lý, tìm kiếm, sắp xếp, chia sẻ tài nguyên số và truy xuất dữ liệu trong môi trường số.	3,96	0,93	7	3,95	0,21	4
4	Giao tiếp và kết nối với đồng nghiệp và cha mẹ học sinh trong môi trường số (padlet, zalo, enetviet, google classroom ...)	4,11	0,76	4	3,96	0,21	3
5	Nâng cao năng suất làm việc trong môi trường làm việc số	4,08	0,94	5	3,90	0,20	7
6	Sử dụng công cụ để tạo lập các câu đố, các cuộc thi trả lời câu hỏi, trắc nghiệm trực tuyến trong thiết kế các bài giảng điện tử	4,23	0,78	2	3,91	0,20	6
7	Tạo lập các nội dung trực quan hấp dẫn thông qua các công cụ tạo giọng nói và video, công cụ AI hỗ trợ phân tích dữ liệu và lập trình...	4,21	0,86	3	3,94	0,21	5
8	Giáo viên thực hiện lập kế hoạch, kiểm soát tiến độ học tập, quá trình học tập trong môi trường số	3,91	0,97	8	3,86	0,99	8
ĐTB		4,09	0,84		3,96	0,34	

Bảng 4. Kết quả khảo sát về thực trạng thực hiện nội dung hoạt động bồi dưỡng an toàn số cho giáo viên

TT	Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động bồi dưỡng an toàn số	Mức độ đạt được					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Các quy định về bảo mật và đảm bảo an toàn an ninh thông tin	4,23	0,78	1	3,09	0,29	3
2	Kỹ năng triển khai hệ thống an toàn an ninh thông tin	4,21	0,86	2	3,90	0,37	1
3	Các hệ thống an toàn an ninh thông tin	3,91	0,97	3	3,86	0,99	2
Điểm trung bình chung		4,12	0,87		3,61	0,55	

Các nội dung bảng khảo sát chính là kết quả khảo sát, đánh giá mức độ cần thiết cũng như mức độ thực hiện các nội dung bồi dưỡng NLS của giáo viên. Kết quả thống kê cho thấy, mức độ cần thiết và mức độ thực hiện các nội dung bồi dưỡng NLS cho giáo viên trung học cơ sở đáp ứng đạt ở mức trung bình - khá. Về cơ bản, NLS của giáo viên trung học cơ sở trên địa bàn phường đáp ứng thực tế giảng dạy, giáo dục trong môi trường số nhưng cần phải bồi dưỡng nhiều hơn nữa để theo kịp với xu thế giáo dục công nghệ của thế giới.

Bảng 5. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý nội dung hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên

TT	Quản lý nội dung hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên	Mức độ đạt được					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Lựa chọn, thẩm định chương trình, tài liệu bồi dưỡng cần đảm bảo tính cập nhật, tính thực tiễn, không lý thuyết suông	3,94	0,42	2	3,66	0,56	2
2	Phân hóa nội dung bồi dưỡng theo nhóm đối tượng (nhóm giáo viên cốt cán, nhóm giáo viên đại trà, nhóm giáo viên lớn tuổi/yếu công nghệ)	3,98	0,41	1	3,69	0,54	1

3	Xây dựng và quản lý kho học liệu số dùng chung, tài nguyên mở (OER) để giáo viên tự học	3,92	0,41	3	3,62	0,58	3
Điểm trung bình chung		3,94	0,41		3,65	0,56	

2.4. Biện pháp quản lý bồi dưỡng NLS cho giáo viên ở các trường trung học cơ sở

2.4.1. Xây dựng và chuẩn hóa khung NLS cho giáo viên tại nhà trường

Biện pháp này gồm các nội dung cụ thể: Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng dựa trên khung năng lực, tổ chức tập huấn, tự đánh giá năng lực giáo viên qua công cụ trực tuyến; Triển khai theo giai đoạn: ban hành khung năng lực, truyền thông, hỗ trợ thực hành và giám sát đánh giá, luôn có sự phối hợp chặt chẽ, liên tục và khoa học giữa Bộ giáo dục và Đào tạo, Sở giáo dục Đào tạo và nhà trường; Giáo viên cần chủ động tham gia để đạt chuẩn, kết hợp sáng tạo nội dung số và đảm bảo an toàn thông tin.

Cách thực hiện biện pháp:

- Lập kế hoạch triển khai: Nhà trường thành lập ban chỉ đạo để phổ biến khung NLS, xác định nhu cầu bồi dưỡng giáo viên qua khảo sát ban đầu. Xây dựng lịch trình bồi dưỡng theo giai đoạn.

- Tổ chức các lớp tập huấn trực tiếp hoặc trực tuyến các nội dung NLS: kiến thức số, giao tiếp số, kỹ năng số, an toàn số. Khuyến khích giáo viên xây dựng học liệu số. Chọn giáo viên nòng cốt làm hạt nhân hỗ trợ đồng nghiệp, kết hợp chia sẻ kinh nghiệm qua cộng đồng học tập số.

- Đánh giá và công nhận: Sử dụng công cụ trực tuyến để tự đánh giá NLS, kiểm tra định kỳ và quan sát thực tế dạy học. Xây dựng tiêu chí đạt chuẩn của và đảm bảo an toàn số.

2.4.2. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng NLS dựa trên dữ liệu và nhu cầu cá thể hóa

Biện pháp này gồm các nội dung cụ thể như sau: Hiệu trưởng sử dụng khảo sát trực tuyến để phân loại giáo viên: nhóm cốt cán, nhóm cơ bản, nhóm yếu. Tổ chức bồi dưỡng theo nhóm thông qua thuyết trình, báo cáo số để rèn kỹ năng số, giao tiếp số, kiến thức số, an toàn số mà Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 29/NQ TW, quyết định số 131/QĐ-TTg về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mà Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã đề ra; Hiệu trưởng lập kế hoạch bồi dưỡng riêng cho từng nhóm (cá thể hóa); Nội dung bồi dưỡng nên ngắn gọn, có bài tập thực hành và có hướng dẫn tự học. Cụ thể thông qua việc khai thác dữ liệu đơn giản, an toàn thông tin cơ bản, sáng tạo nội dung số.

Cách thực hiện biện pháp:

- Đánh giá hiện trạng và nhu cầu cá nhân: thông qua bảng đánh giá NLS cơ bản, khảo sát nhu cầu

của người học, quản lý đồng thời phân tích lĩnh vực ưu tiên.

- Xây dựng khung NLS cá thể hóa: Cần xây dựng khung năng lực dựa trên các nhóm kỹ năng, xác định mức độ thành thạo dựa trên các tiêu chí và theo kỹ năng: cơ bản, nâng cao, chuyên sâu.

- Thiết kế lộ trình học cá nhân: lồng ghép tự học có hướng dẫn, bài tập dự án nhóm và phản hồi định kỳ để rèn NLS và tự học.

- Triển khai và tích hợp công nghệ: sử dụng kho tài nguyên mở, nền tảng học tập số, AI hỗ trợ học tập để cá nhân hóa nội dung.

- Kiểm tra và cải thiện: đánh giá, rà soát sự tiến bộ, khả năng hoàn thành bài tập, mức độ áp dụng.

2.4.3. Phát triển đội ngũ cốt cán và xây dựng cộng đồng học tập chuyên môn số

Biện pháp này gồm các nội dung chính như: Thành lập “Tổ công nghệ số” làm nòng cốt. Đây là bước đầu tiên quan trọng để hình thành đội ngũ cốt cán dẫn dắt chuyển đổi số trong giáo dục. Bao gồm tổ trưởng (giáo viên dẫn dắt công nghệ), tổ phó với nhiệm vụ hướng dẫn, phổ biến kỹ năng số cho toàn đội ngũ giáo viên như sử dụng dịch vụ công giáo dục, thiết kế bài giảng điện tử và nền tảng học tập trực tuyến (Teams, LMS). Ngoài ra, đội ngũ này cần tổ chức workshop định kỳ, xây dựng thư viện học liệu số và hỗ trợ triển khai chuyển đổi số cho hội đồng nhà trường; Triển khai mô hình kèm cặp 1 - 1 giữa giáo viên giỏi công nghệ thông tin và giáo viên lớn tuổi. Mô hình này giúp nâng cao nhanh chóng NLS cho toàn đội ngũ, thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục thông qua hỗ trợ cá nhân hóa và lan tỏa kinh nghiệm thực tiễn; Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn trên nền tảng số. Điều này giúp củng cố cộng đồng học tập, lan tỏa NLS cho đội ngũ giáo viên thông qua chia sẻ thực tiễn và trải nghiệm trực tuyến hiệu quả.

Cách thực hiện biện pháp:

- Lập kế hoạch từ “tổ công nghệ số”.

- Chọn chủ đề cụ thể như: AI, LMS ... thực hiện bồi dưỡng với lịch trình phù hợp.

- Chọn giáo viên tham gia phù hợp, phân công người hỗ trợ có kinh nghiệm dẫn dắt, chuẩn bị tài liệu số (slide, video demo)

- Quay phim để lưu trữ trên học liệu dùng chung.

- Thông báo qua nhóm Zalo để đảm bảo kết nối ổn định và hỗ trợ kỹ thuật.

2.4.4. Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng kết hợp trực tiếp và trực tuyến

Biện pháp này gồm các nội dung chính như: Thực hiện số hóa tài liệu bồi dưỡng: file powerpoint, video, bài tập tương tác... đăng trên LMS. Giáo viên hoàn thành nhiệm vụ trực tuyến dưới hướng dẫn từ tổ công nghệ số kết hợp tự đánh giá. Hoàn thành nhiệm vụ trước buổi bồi dưỡng trực tiếp; Bồi dưỡng trực tiếp với mô hình học tập hỗn hợp, kết hợp đồng thời giữa học trực tiếp tại lớp và học trực tuyến (hybrid): thực hành gồm có giới thiệu lý thuyết,

demo công cụ, thảo luận nhóm, phản hồi; Đánh giá và hỗ trợ thông qua google xem đã hoàn thành nhiệm vụ và áp dụng bài giảng mới chưa để hỗ trợ qua kèm cặp 1 - 1. Sau đó, điều chỉnh nội dung từ phản hồi để tối ưu và thúc đẩy việc tự bồi dưỡng.

Cách thực hiện biện pháp

- Xác định nhu cầu bồi dưỡng qua khảo sát đội ngũ, chọn chủ đề cụ thể.

- Lập kế hoạch trực tuyến - trực tiếp .

- Triển khai tổ chức: trực tuyến thông qua tự học, trắc nghiệm, diễn đàn. Sau đó hybrid với giới thiệu, thực hành nhóm, phản hồi 1 - 1.

2.4.5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng thông qua sản phẩm số và ứng dụng thực tiễn

Biện pháp này gồm các nội dung chủ yếu: Yêu cầu giáo viên nộp sản phẩm số: Video bài giảng cần yêu cầu sản phẩm ghi hình, đính kèm theo kế hoạch bài dạy; thời lượng bài dạy; Kho học liệu E-learning yêu cầu xuất bản dưới dạng web, tương thích thiết bị di động có kế hoạch bài dạy và mô tả chi tiết); Sử dụng chứng chỉ số để công nhận kết quả bồi dưỡng (thay vì giấy chứng nhận): Đây là phiên bản điện tử của giấy chứng nhận, có thể tra cứu, xác thực và tải xuống từ hệ thống trực tuyến, liên kết với mã QR hoặc chữ ký số để đảm bảo tính xác thực; Đánh giá dựa trên dữ liệu sử dụng: Kiểm tra xem giáo viên có thường xuyên đăng nhập và sử dụng phần mềm dạy học hay không (dựa trên Log hệ thống): Việc này giúp đo lường chính xác mức độ áp dụng công nghệ số của giáo viên, hỗ trợ điều chỉnh kịp thời trong chuyển đổi số giáo dục

Cách thực hiện biện pháp

- Đối với nộp sản phẩm số: ban hành thông báo, nêu rõ đối tượng, sản phẩm yêu, thời hạn nộp và hệ thống nộp; Tổ chức tập huấn ngắn hướng dẫn công cụ tạo sản phẩm; Trong quá trình thực hiện cần theo dõi và hỗ trợ.

- Đối với việc sử dụng chứng chỉ số để công nhận kết quả bồi dưỡng: Dùng chứng chỉ số để công nhận kết quả bồi dưỡng với điều kiện hệ thống cần được thiết kế bảo mật, người được công nhận có khả năng tra cứu và xác thực, cung cấp chứng chỉ số phải tuân thủ các quy định luật pháp hiện hành.

- Đối với đánh giá dựa trên dữ liệu: Tổ công nghệ số truy xuất nhật ký hệ thống để theo dõi số lần đăng nhập, thời gian hoạt động, số lượng bài giảng số đã tạo và số lần tương tác với học sinh hàng tháng. Thực hiện phân loại giáo viên theo nhóm: giáo viên giỏi công nghệ, giáo viên lớn tuổi, tạo bảng điều khiển tự động với các hiệu suất đăng nhập định kỳ.

3 Kết luận

Để hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên tại các trường trung học cơ sở công lập đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số, cán bộ quản lý các trường cần có các biện pháp quản lý linh động, phù hợp. Trên cơ sở

thực trạng hoạt động bồi dưỡng NLS cho giáo viên tại các trường trung học cơ sở công lập phường Gò Vấp và Hạnh Thông, TP.HCM, bài viết đã đề xuất các biện pháp để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động này, gồm các biện pháp: (1) Xây dựng và chuẩn hóa khung NLS cho giáo viên tại nhà trường; (2) Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng NLS dựa trên dữ liệu và nhu cầu cá thể hóa; (3) Phát triển đội ngũ cốt cán và xây dựng cộng đồng học tập chuyên môn số; (4) Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng kết hợp trực tiếp và trực tuyến; (5) Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng thông qua sản phẩm số và ứng dụng thực tiễn ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Chính trị (2025). *Về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*. Ban hành kèm theo Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025.
- [2]. Bộ Chính trị (2024). *Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Ban hành kèm theo Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024.
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022a). *Kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025*. Ban hành kèm theo Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT, ngày 10/05/2022.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022b). *Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên*. Ban hành kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT, ngày 30/12/2022.
- [5]. Đỗ Văn Hùng (chủ biên) (2022). *Năng lực số (sách chuyên khảo)*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
- [6]. Đỗ Văn Hùng, Trần Đức Hòa (2022). *Năng lực số dành cho giảng dạy và học tập trực tuyến*. Tạp chí Thông tin và tư liệu - 2/2022.
- [7]. Marijana Kelentric, Karianne Helland, Ann-Therese Arstorp (2017). *Professional Digital Competence Framework for Teachers*.
- [8]. Mai Phuong Thi Do, Hoang Minh Nguyen (2025). *Digital Competence of English Lecturers in Vietnam*.
- [9]. Nguyễn Phúc Quân (2023). Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển năng lực giáo viên trong bối cảnh chuyển đổi số. Trường Đại học Tây Nguyên, tr 254-261.
- [10]. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. (2022). *Kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành GDĐT TPHCM giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030*. Ban hành kèm theo Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT, ngày 24/05/2022.
- [11]. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. (2023). *Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên*. Ban hành kèm theo Quyết định số 271/QĐ-SGDĐT, ngày 10/02/2023.

Measures for managing digital capacity development activities for teachers in the public middle schools in Ho Chi Minh City

Pham Thi Hao

Quang Trung Middle School, Go Vap Ward, Ho Chi Minh City

Mai Hoang Sang

Saigon University, Ho Chi Minh City

Email: haopham986@gmail.com.

Abstract: This article proposes measures to improve the effectiveness of managing digital skills training for teachers. Because digital transformation is a decisive factor in the development of nations; it is a prerequisite for educational development and a prosperous country in the new era. This issue presents administrators with a crucial task: managing digital skills development activities for teachers. This study summarizes and emphasizes that managing digital competency training activities for the middle school teachers is a crucial factor in improving the quality of education in the digital age. It also provides an overview of concepts and content related to digital competence, such as digital knowledge, digital skills, digital communication, and digital safety-four components that influence the digital competence of teachers in the public middle schools. The results show that the majority of administrators and teachers have a relatively complete and correct understanding of the role of management in developing digital skills for the middle school teachers to grasp modern challenges and trends, and to exploit the potential of technology to create a digital learning environment for the future.

Keywords: Improvement, digital competencies, teachers, middle school.